

PHỤ LỤC II
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG¹

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ĐẠI HỌC HUẾ
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC HUẾ TẠI QUẢNG TRỊ
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị: Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị

2. Địa chỉ trụ sở chính

- Địa chỉ trụ sở chính: Đường Điện Biên Phủ - phường Nam Đông Hà, Quảng Trị.
- Điện thoại: 0233.3565661
- Website: qtb.hueuni.edu.vn

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liên kế năm báo cáo
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên		
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	24	27
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	6	8

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	24		18	6		
	Giảng dạy và NCKH	24		18	6		
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
	Giảng dạy và NCKH	24		18	6		

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	2	3
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	10	10
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	10/24	13/27

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m ²)	1158.9	1158.9
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	195.07 m ²	195.07 m ²
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	80	80
5	Số bản sách/người học	8	8
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	100%	100%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	50Mbps	50Mbps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo¹⁰

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Điện Biên Phủ, Phường Nam Đông Hà	171.013	17.171
2	Cơ sở Lý Thường Kiệt	145 Lý Thường Kiệt	8.530	7162
3	Cơ sở Ký túc xá	29 Nguyễn Hữu Khiếu	7.200	6744
Tổng cộng			186.743	31.077

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt):
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:
- Mức độ đạt kiểm định:
- Thời gian hiệu lực: từ ngày...tháng.. năm... đến ngày... tháng... năm...

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1					

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

\	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	13,8%	19%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	-15%	- 21
3	Tỷ lệ thôi học	5%	7%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	2,56%	44,44%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	72,6	97%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	71%	95%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	100%	100%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	100%	100%
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	100%	91,67%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học	108	29	41	100
1	Lĩnh vực 5	108	29	41	100
	Chính quy	108	29	41	100
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ		
2	Số công bố khoa học/giảng viên	2	5
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	2/26	5/29

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước		
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	1	225
3	Đề tài cấp cơ sở	2	150
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)		
5	Đề tài hợp tác quốc tế		
	Tổng số:	3	375

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	2	20
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	2	8
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế		1
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế		
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích		

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm		
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		

2. Kết quả thu chi hoạt động

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	1.407	4.056
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo	1.407	4.056
1	Học phí, lệ phí từ người học	657	1.500
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		

4	Thu khác	750	2.556
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	1100	3160
I	Chi lương, thu nhập	(*)	(*)
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	(*)	(*)
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	(*)	(*)
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	400	965
1	Chi cho đào tạo	250	650
2	Chi cho nghiên cứu		65
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	150	250
III	Chi hỗ trợ người học	50	245
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	25	45
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0	50
3	Chi hoạt động khác	25	150
IV	Chi khác	650	1950
C	CHÊNH LỆCH THU CHI		

Ghi chú: Khoản mục B.I. Chi lương, thu nhập (*) do Đại học Huế chi trả.

KT. GIÁM ĐỐC

P. GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hương Loan